

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **329/2020/KDTM-PT**

Ngày: 18/5/2020

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phú

Các Thẩm phán: Ông Ngô Văn Dũng

Bà Hà Thanh Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Trinh, Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái, Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 158/2016/TLPT-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng hợp đồng mua bán hàng hóa

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2016/ST-KDTM ngày 30 tháng 9 năm 2016 của Tòa án nhân dân quận U bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1713/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng HPP

Địa chỉ: 639/3 khu phố TB, phường AT, tỉnh Bình Dương

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đoàn Xuân Đ, đại diện theo ủy quyền (GUQ số 01/2016/UQ-HPP ngày 29/12/2016) (Có mặt)

Bị đơn: Công ty cổ phần THV

Địa chỉ: phường TT, quận U, TPHCM

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Quang B, đại diện theo ủy quyền (GUQ số 22/2016/UQ-THV ngày 29/12/2016) (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư H, Đoàn Luật sư TPHCM

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH SY

Địa chỉ: xã TT, thị xã DX, tỉnh Bình Phước (Có Đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người kháng cáo: Công ty TNHH HPP, nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

- Nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng HPP (bên mua) và Công ty cổ phần THV (bên bán) có ký Hợp đồng kinh tế số 07/HD0KT/2014 ngày 28/3/2014 và Hợp đồng kinh tế số 15/HĐKT/2014 ngày 21/7/2014 để mua bán hàng hóa là tấm tole nhựa PVC - loại phổ thông và loại thu ánh sáng, linh kiện của tấm tole. Tổng giá trị hai hợp đồng là 8.904.053.220 đồng. Bên mua đã thanh toán tiền mua hàng sau khi nhận đủ số lượng hàng hóa theo hợp đồng.

Tuy nhiên, khi tole được lắp đặt thì bị cong vênh gây dột nước làm hư hỏng hàng hóa trong nhà xưởng của Công ty TNHH SY, một số vị trí màu tole không đồng nhất gây ảnh hưởng chất lượng thu ánh sáng. Công ty HPP đã yêu cầu Công ty THV khắc phục và Công ty THV có đến khắc phục, sửa chữa nhưng không sửa chữa được.

Khi nhận hàng, hai bên không có lập biên bản kiểm tra chất lượng hàng hóa, Công ty HPP chỉ ký vào phiếu giao hàng của Công ty THV.

Công ty HPP yêu cầu Công ty THV bồi thường chi phí sửa chữa, nhân công với số tiền là 400.510.000 đồng và số tiền 6.128.501.818 đồng (do Công ty HPP đã thỏa thuận bồi thường cho Công ty SY), tổng cộng là 6.529.011.818 đồng.

Ngày 09/9/2016, Công ty HPP sửa đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Công ty THV phải bồi thường số tiền là 4.197.690.288 đồng là thiệt hại do cung cấp hàng hóa không đảm bảo chất lượng, không thực hiện việc bảo hành theo hai hợp đồng số 07/HĐKT/2014 ngày 28/3/2014 và số 15/HĐKT/2014 ngày 21/7/2014 và chi phí thuê nhân công là 400.510.000 đồng. Tổng số tiền là 4.598.200.288 đồng.

- Bị đơn trình bày:

Công ty THV không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì Công ty THV đã giao đủ số lượng và quy cách hàng hóa theo hợp đồng, việc tole bị cong vênh, gây dột nước là do giàn sà gồ bị cong và chịu áp lực không tốt. Việc tole thu ánh sáng không đồng nhất do hai đợt hàng hóa khác nhau nên màu sắc khác nhau (trong hợp đồng không thỏa thuận màu sắc hàng hóa).

Công ty THV có yêu cầu phản tố về việc buộc Công ty HPP phải thanh toán số tiền 2.631.120.320 đồng còn nợ lại theo Hợp đồng số 15/HĐKT/2014 ngày 21/7/2014 và các hóa đơn giá trị gia tăng số 05812 ngày 30/8/2014, 05826 ngày 06/9/2014, 05827 ngày 06/9/2014, 05860 ngày 17/9/2014, 05882 ngày

24/9/2014, 05922 ngày 02/10/2014, 05923 ngày 02/10/2014, 05953 ngày 10/10/2014 kèm theo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Công ty TNHH SY) trình bày:

Do Công ty SY và Công ty HPP chưa thống nhất thực hiện thỏa thuận bồi thường như Biên bản ký ngày 08/4/2016 nên việc Công ty SY giữ lại số tiền khoảng 4,2 tỷ đồng là để Công ty HPP thực hiện bảo hành sản phẩm theo hai hợp đồng số 20/HĐ/14 ngày 20/4/2014 và số 01/08/HĐ/14 ngày 01/8/2014 giữa Công ty SY và Công ty HPP.

Công ty SY xác định không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 123/2016/ST-KDTM ngày 30 tháng 9 năm 2016, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn bồi thường số tiền 4.598.200.288 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền 2.631.120.320 đồng.

- Công ty HPP phải chịu án phí sơ thẩm 197.220.606 đồng.

Ngày 10/10/2016, Công ty HPP đã nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc Công ty THV phải bồi thường 4.598.200.288 đồng và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Nguyên đơn trình bày:

+ Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn sau khi tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ là vi phạm thủ tục tố tụng.

+ Yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 4.270.949.634 đồng; nguyên đơn đồng ý thanh toán cho bị đơn số tiền mua hàng nguyên đơn còn nợ theo yêu cầu phản tố của bị đơn là 2.631.120.320 đồng nếu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Nếu cán trừ 2 khoản tiền này với nhau thì bị đơn còn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền là 1.639.829.314 đồng.

- Bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

+ Đây là hợp đồng mua bán hàng hóa, không phải hợp đồng thi công.

+ Việc lấy mẫu của Công ty cổ phần Nghiên cứu kỹ thuật và Ứng dụng công nghệ xây dựng BK không có sự chứng kiến của bị đơn. Báo cáo kết quả thử nghiệm lần 1 không rõ lấy mẫu từ đâu, bị đơn không được biết.

+ Chứng thư giám định của Vinacontrol được lập sau hơn 2 năm bảo hành, do đó, không thể phản ánh đúng chất lượng sản phẩm (do sản phẩm bị lão hóa theo thời gian).

+ Nguyên đơn không cung cấp đủ chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu bồi thường của mình và Tòa án cũng không thể trưng cầu giám định, trong khi vụ án đã kéo dài hơn 3 năm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Sau này, khi nào có đủ chứng cứ thì nguyên đơn có quyền khởi kiện lại để đòi bồi thường.

+ Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn và đã tổ chức phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ sau khi thụ lý là hợp lệ, không có gì vi phạm thủ tục tố tụng như ý kiến của đại diện nguyên đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã không thu thập đầy đủ chứng cứ về chất lượng sản phẩm hàng hóa mua bán giữa hai bên mà cấp phúc thẩm không thể thu thập bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Xét kháng cáo của nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 4.270.949.634 đồng:

Do chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đòi bồi thường thiệt hại của nguyên đơn chưa được Tòa án cấp sơ thẩm thu thập đầy đủ, cần phải có kết luận giám định của tổ chức giám định về chất lượng hàng hóa mua bán giữa các bên và chi phí khắc phục, thay thế hàng hóa không bảo đảm chất lượng (nếu có) nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử phúc thẩm chỉ thu thập được Chứng thư giám định về phẩm chất của lô hàng (do Vinacontrol phát hành theo Quyết định trưng cầu giám định của Tòa án) mà không thể thu thập được kết luận giám định về chi phí khắc phục, thay thế hàng hóa không bảo đảm chất lượng, nên căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 308 và khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

[2]. Về án phí:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 30 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, do Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại nên đương sự kháng cáo là Công ty Hà Phương Phát không phải chịu án phí phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 và khoản 3 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn là Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng HPP, hủy Bản án sơ thẩm số 123/2016/ST-KDTM ngày 30/9/2016 của Tòa án nhân dân quận U và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận U giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí:

Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng HPP không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **200.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0025448 ngày 11/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận U*).

3. Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận U;
- Chi cục THADS quận U;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Phú